

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **618** /2013/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày **19** tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013 - 2015;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 12/TTr-SNN&PTNT ngày 23 tháng 01 năm 2013 về việc đề nghị ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2013 - 2015 (kèm theo ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 137/SKHĐT-KTNN ngày 15 tháng 01 năm 2013; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 77/STP-XDVB ngày 23 tháng 01 năm 2013),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013 - 2015, với những nội dung chính như sau:

I. NỘI DUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Cơ chế, chính sách đối với sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh

1.1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đầu tư sản xuất rau an toàn quy mô từ 3 ha liền khoảnh trở lên đối với vùng đồng bằng, ven biển hoặc

2 ha liền khoảnh trở lên đối với vùng miền núi, nằm trong quy hoạch sản xuất rau an toàn tập trung của tỉnh.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Có dự án đầu tư phát triển rau an toàn và cam kết lộ trình triển khai dự án được Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện) chấp thuận.

- Có đầu tư hạ tầng đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất rau an toàn.

- Đã được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn.

- Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm cho vùng sản xuất.

- Có hợp đồng kiểm soát chất lượng với Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa.

- Đã tổ chức sản xuất rau an toàn sau 2 vụ và không vi phạm các quy định về chất lượng rau.

1.2. Nội dung, mức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ

a) Hỗ trợ một lần:

- Kinh phí xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, điện, xử lý chất thải) của vùng sản xuất tập trung; nhà sơ chế, đóng gói sản phẩm rau an toàn để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP. Mức hỗ trợ: 120 triệu đồng/ha đối với vùng đồng bằng, ven biển; 150 triệu đồng/ha đối với vùng miền núi.

- Kinh phí thuê chứng nhận VietGAP cho rau an toàn: 5 triệu đồng/ha.

- Thời điểm hỗ trợ: Sau khi đã được chứng nhận VietGAP.

b) Hỗ trợ hàng năm:

- Kinh phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem. Mức hỗ trợ: 16 triệu đồng/ha/năm đối với vùng đồng bằng, ven biển; 18 triệu đồng/ha/năm đối với vùng miền núi.

- Kinh phí sơ chế, bao bì đóng gói sản phẩm: 6 triệu đồng/ha/năm.

- Thời điểm hỗ trợ: Vào tháng 12 hàng năm.

2. Cơ chế, chính sách đối với sản xuất rau an toàn trong nhà lưới

2.1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đầu tư nhà lưới sản xuất rau an toàn; quy mô nhà lưới từ 1.000m² trở lên (tối thiểu phải sử dụng: cột bê tông cốt thép có kích thước 0,15m x 0,15m x 3,2m, làm móng cột; che mưa, che nắng và vây xung quanh bằng lưới mùn 16 lĩ/cm²; giằng dọc mái bằng thép 4 ly; giằng ngang mái bằng thép 2 ly); nằm trong quy hoạch sản xuất rau an toàn tập trung của tỉnh (cả trong và ngoài vùng tập trung chuyên canh).

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Có dự án đầu tư phát triển rau an toàn và cam kết lộ trình triển khai dự án được Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận.
- Có trang bị hệ thống tưới (gồm: máy bơm, dây dẫn, vòi phun) và hệ thống điện phục vụ sản xuất trong nhà lưới.
- Đã được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn.
- Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm cho vùng sản xuất.
- Có hợp đồng kiểm soát chất lượng với Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa.
- Đã tổ chức sản xuất rau an toàn sau 2 vụ và không vi phạm các quy định về chất lượng rau.

2.2. Nội dung, mức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư, xây dựng nhà lưới phục vụ sản xuất rau an toàn.
- Mức hỗ trợ: 40.000 đồng/m² đối với vùng đồng bằng, ven biển và 50.000 đồng/m² đối với vùng miền núi.
- Thời điểm hỗ trợ: Sau khi đã sản xuất 2 vụ và được chứng nhận VietGAP.

3. Cơ chế, chính sách đối với tiêu thụ sản phẩm rau an toàn

3.1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân kinh doanh, tiêu thụ rau an toàn tại cửa hàng với diện tích tối thiểu 20m²/cửa hàng hoặc tại quầy hàng trong chợ với diện tích tối thiểu 9m²/quầy hàng (thuộc thị xã, thành phố); kinh doanh rau an toàn thường xuyên.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Tự sản xuất rau an toàn hoặc có hợp đồng thu mua sản phẩm rau an toàn ổn định với cơ sở sản xuất rau an toàn trong thời gian từ 2 năm trở lên.
- Có hợp đồng thuê cửa hàng, quầy hàng ổn định từ 2 năm trở lên hoặc có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cửa hàng.
- Có sản lượng tiêu thụ rau an toàn bình quân đạt 50kg/ngày trở lên.
- Có đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn cửa hàng, quầy hàng kinh doanh rau an toàn theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.2. Nội dung, mức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ:

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh rau an toàn với diện tích tối thiểu 20m²/cửa hàng; thuê quầy hàng kinh

doanh rau an toàn với diện tích tối thiểu 9m²/quầy hàng tại các chợ thuộc thị xã, thành phố.

b) Mức hỗ trợ:

- Đối với các cửa hàng kinh doanh rau an toàn đặt tại các phường thuộc thị xã, thành phố: 42 triệu đồng/cửa hàng chia làm 2 lần, năm thứ nhất hỗ trợ 21 triệu đồng, năm thứ hai hỗ trợ 21 triệu đồng.

- Đối với các cửa hàng kinh doanh rau an toàn đặt tại thị trấn và các xã ngoại thành của thành phố, thị xã: 24 triệu đồng/cửa hàng chia làm 2 lần, năm thứ nhất hỗ trợ 12 triệu đồng, năm thứ hai hỗ trợ 12 triệu đồng.

- Đối với các cửa hàng kinh doanh rau an toàn đặt tại các xã còn lại: 18 triệu đồng/cửa hàng chia làm 2 lần, năm thứ nhất hỗ trợ 9 triệu đồng, năm thứ hai hỗ trợ 9 triệu đồng.

- Đối với quầy hàng kinh doanh rau an toàn trong chợ thuộc thị xã, thành phố: 20 triệu đồng/quầy hàng chia làm 2 lần, năm thứ nhất hỗ trợ 10 triệu đồng, năm thứ hai hỗ trợ 10 triệu đồng.

c) Thời điểm hỗ trợ: Sau khi đầu tư xong cửa hàng, quầy hàng kinh doanh và đi vào kinh doanh rau an toàn ổn định tối thiểu 3 tháng đối với năm đầu tiên và 12 tháng đối với năm thứ 2.

d) Thời gian hỗ trợ là 2 năm, riêng năm 2015 hỗ trợ 1 năm.

4. Thời gian hỗ trợ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Từ nguồn sự nghiệp kinh tế phân bổ hàng năm của ngân sách tỉnh.

II. TRÌNH TỰ THỦ TỤC LẬP HỒ SƠ HỖ TRỢ

1. Cơ chế, chính sách đối với sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh

Căn cứ quy hoạch hoặc dự án đầu tư phát triển vùng sản xuất rau an toàn của huyện. Sau khi được cấp có thẩm quyền giao đất hoặc cho thuê đất, chủ đầu tư phải lập hồ sơ, gồm:

- Dự án đầu tư phát triển rau an toàn và cam kết lộ trình triển khai dự án đã được Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận. Trong dự án đầu tư phát triển sản xuất rau an toàn cần nêu rõ chủng loại rau đăng ký sản xuất.

- Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng được ngân sách hỗ trợ.

- Biên bản nghiệm thu các hạng mục xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng sản xuất tập trung (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, điện, xử lý chất thải); nhà

sơ chế, đóng gói sản phẩm rau an toàn để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP đã được Ủy ban nhân dân huyện xác nhận.

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất rau an toàn đối với vùng đăng ký hỗ trợ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp, đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm cho vùng sản xuất.

- Hợp đồng thuê kiểm soát chất lượng với Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa.

- Hồ sơ ghi chép chứng minh đã sản xuất rau an toàn sau 2 vụ.

- Hợp đồng thuê chứng nhận VietGAP.

- Giấy chứng nhận VietGAP đối với từng chủng loại rau đăng ký sản xuất.

- Kế hoạch thực hiện sơ chế sản phẩm, in bao bì đóng gói sản phẩm đã được phê duyệt và triển khai (áp dụng đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đăng ký hỗ trợ chi phí sơ chế, in bao bì đóng gói sản phẩm).

2. Cơ chế, chính sách đối với sản xuất rau an toàn trong nhà lưới

Doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đầu tư nhà lưới sản xuất rau an toàn lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ, gồm:

- Dự án đầu tư phát triển rau an toàn và cam kết lộ trình triển khai dự án đã được Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận. Trong dự án đầu tư phát triển sản xuất rau an toàn cần nêu rõ chủng loại rau đăng ký sản xuất.

- Dự toán chi tiết, biên bản nghiệm thu các hạng mục đầu tư nhà lưới phục vụ sản xuất rau an toàn đã được Ủy ban nhân dân huyện xác nhận.

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất rau an toàn đối với nhà lưới đăng ký hỗ trợ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp, đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm cho vùng sản xuất.

- Hợp đồng thuê kiểm soát chất lượng với Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa.

- Hồ sơ ghi chép chứng minh đã sản xuất rau an toàn sau 2 vụ.

- Giấy chứng nhận VietGAP đối với từng chủng loại rau đăng ký sản xuất.

3. Cơ chế, chính sách đối với tiêu thụ sản phẩm rau an toàn

Doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân kinh doanh, tiêu thụ rau an toàn lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ, gồm:

- Hồ sơ chứng minh tự sản xuất rau an toàn (giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất rau an toàn và giấy chứng nhận VietGAP cho sản phẩm rau an toàn

của cơ sở) hoặc hợp đồng thu mua sản phẩm rau an toàn ổn định với cơ sở sản xuất rau an toàn trong thời gian từ 2 năm trở lên (kèm theo giấy chứng nhận VietGAP cho rau an toàn của cơ sở sản xuất).

- Hợp đồng thuê cửa hàng, quầy hàng ổn định từ 2 năm trở lên hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cửa hàng.

- Bản thuyết minh điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của cửa hàng, quầy hàng kinh doanh rau an toàn (có xác nhận của đại diện chính quyền địa phương đối với cửa hàng và xác nhận của ban quản lý chợ đối với quầy hàng).

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong kinh doanh rau, quả đối với quầy hàng kinh doanh của cơ sở do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp, đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành.

- Hồ sơ ghi chép về tiêu thụ sản phẩm rau an toàn tính đến thời điểm cơ sở đăng ký hỗ trợ (tối thiểu 3 tháng đối với đăng ký hỗ trợ năm đầu tiên và 12 tháng đối với đăng ký hỗ trợ năm thứ 2).

III. LẬP, GIAO DỰ TOÁN, CẤP PHÁT VÀ QUYẾT TOÁN

1. Lập dự toán

- Cùng thời gian lập dự toán ngân sách hàng năm, căn cứ quy hoạch phát triển sản xuất rau an toàn tập trung, chỉ tiêu kế hoạch sản xuất rau an toàn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm; đối tượng được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân huyện lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Riêng những đơn vị đủ điều kiện được hỗ trợ trong năm 2013, trên cơ sở đăng ký của các đơn vị; Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Giao dự toán

Căn cứ dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phê chuẩn, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố; Sở Tài chính thông báo dự toán bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

3. Quyết toán kinh phí

- Hàng năm các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung phải có đầy đủ hồ sơ chứng từ theo quy định tại mục II, Điều 1 Quyết định này để làm căn cứ quyết toán.

- Ủy ban nhân dân huyện thẩm định hồ sơ quyết toán đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân được hưởng chính sách. Tổng hợp quyết toán chính

sách hỗ trợ phát triển rau an toàn tập trung trên địa bàn và gửi báo cáo quyết toán về Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, hàng năm xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất rau an toàn tập trung, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch số lượng và kinh phí hỗ trợ cho từng huyện, thị xã, thành phố.

- Hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy trình sản xuất rau an toàn và các quy định về sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ rau an toàn tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

- Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch phát triển sản xuất rau an toàn tập trung của từng huyện, thị xã, thành phố, tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí; thông báo bổ sung dự toán có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để các huyện, thị xã, thành phố chủ động triển khai thực hiện; tổng hợp quyết toán chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung trên địa bàn tỉnh; tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau an toàn tập trung; tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ kế hoạch phát triển sản xuất rau an toàn tập trung hàng năm được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch được giao.

- Thực hiện tiếp nhận và quyết định chi trả tiền ngân sách hỗ trợ theo đúng nội dung cơ chế, chính sách; đúng đối tượng, tránh để thất thoát tiền vốn của nhà nước. Chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ quyết toán và báo cáo tổng hợp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Có trách nhiệm phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách trên địa bàn.

- Chỉ đạo các phòng, ban liên quan kiểm tra, cấp kinh phí và quyết toán kinh phí hàng năm, tổng hợp quyết toán, gửi báo cáo tổng hợp về Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NN. (48)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Văn Chiến